

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3529/GDĐT-CTTT
Về hướng dẫn triển khai chương trình
sửa học đường trên địa bàn Thành phố
trong tháng 11, 12 học kỳ I,
năm học 2020-2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo 24 quận, huyện.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về tiếp tục thực hiện Đề án Chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2919/UBND-VX ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về tiếp tục thực hiện Đề án Chương trình Sửa học đường;

Căn cứ Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt điều chỉnh Đề án Chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai Chương trình sửa học đường trên địa bàn Thành phố trong tháng 11, 12 học kỳ I năm học 2020-2021 như sau:

- 1. Thời gian thực hiện:** tháng 11, tháng 12 học kỳ I, năm học 2020-2021.
- 2. Đối tượng thụ hưởng**
 - Trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 trong các trường công lập, ngoài công lập và trẻ em tại lớp mẫu giáo độc lập tư thục trên địa bàn thành phố.
 - Trẻ em mẫu giáo và học sinh lớp 1 sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập đang học tại các trường tham gia theo Đề án Chương trình Sửa học đường.

3. Định mức

Mỗi trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 được uống 1 hộp sữa dung tích 180ml/lần/ngày với 5 lần/tuần trong thời gian của năm học.

4. Mức hỗ trợ

- Đối với trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 tại các trường công lập, ngoài công lập và trẻ em học tại lớp mẫu giáo độc lập tư thục trên địa bàn thành

phổ tham gia Đề án Chương trình Sữa học đường: ngân sách thành phố hỗ trợ 30%, doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 20% và phụ huynh học sinh đóng góp 50%.

- Đối với trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập đang học tại các trường tham gia Đề án Chương trình Sữa học đường: ngân sách thành phố hỗ trợ 50%, doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 50%.

5. Đơn vị cung ứng sữa: Nhà thầu cung cấp sữa trúng thầu.

6. Thời gian cho học sinh uống sữa: dự kiến từ ngày 02/11/2020.

7. Tổ chức thực hiện

- Trưởng phòng GD&ĐT 24 quận, huyện:

+ Triển khai chương trình “Sữa học đường” tháng 11, 12 năm 2020 đến cơ sở giáo dục trên địa bàn;

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi báo cáo tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án Sữa học đường HKI năm học 2020-2021 về Sở Giáo dục và Đào tạo theo mẫu B đính kèm (Phụ lục B1, phụ lục B2, phụ lục B3). Hình thức gửi báo cáo: Văn bản (có đóng mộc) và tập tin excel về email bộ phận thường trực. Hạn cuối: 15/01/2021.

- Trưởng phòng GD&ĐT quận, huyện, thủ trưởng cơ sở giáo dục lần đầu triển khai Đề án Chương trình sữa học đường: tham dự đầy đủ các buổi tập huấn do Sở GD&ĐT tổ chức (Thời gian cụ thể thông báo sau); triển khai thông tin, tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh đăng ký tham gia đề án trên tinh thần tự nguyện (Mẫu phiếu đăng ký). Thống kê theo mẫu A (Đính kèm) và nộp về Sở GD&ĐT trước ngày 11/11/2020.

Bộ phận thường trực: bà Phan Thị Lan Tuyền, chuyên viên phòng Chính trị tư tưởng Sở Giáo dục và Đào tạo, số điện thoại: 028.38299682; email: pttluyen.sgddt@tphcm.gov.vn.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế;
- GD Sở GD&ĐT;
- TT dịch vụ đấu giá TP;
- Phòng GDMN, GDTIH Sở GD&ĐT;
- Lưu VP, CTTT (Tuyền).



Lê Hoài Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Số liệu tham gia sữa học đường HKI - NH 2020-2021
(Tính đến ngày .../.../2020)

1. Số liệu trường Mầm non, lớp mẫu giáo độc lập tư thục, học sinh lớp 1 tiểu học tham gia:

| LOẠI HÌNH TRƯỜNG | Tổng Cộng Trường Trên Địa Bàn Quận, Huyện | Số Trường Tham Gia | Số Trường Ko Tham Gia | Tỷ Lệ Trường Tham Gia |
|---------------------------|---|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| (1) | (2)=(3)+(4) | (3) | (4) | (5) |
| MẦM NON - MẪU GIÁO | | | | |
| Công lập | | | | |
| Ngoài công lập | | | | |
| Lớp MG độc lập tư thục | | | | |
| TIỂU HỌC | | | | |
| Công lập | | | | |
| Ngoài công lập | | | | |
| Chuyên biệt | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | |

2. Số liệu học sinh Mầm non, lớp mẫu giáo độc lập tư thục, học sinh lớp 1 tiểu học tham gia:

| LOẠI HÌNH | Tổng số HS của trường | Tổng số HS đăng ký uống sữa trong chương trình Sữa học đường | | Tổng số HS có uống sữa từ nguồn khác (trường hoặc phụ huynh chuẩn bị) | Tổng số HS không uống sữa (không tự chuẩn bị sữa và không tham gia chương trình Sữa học đường) |
|--------------------------------------|-----------------------|--|---------------------|---|--|
| | | Hộ Bình Thường | Hộ nghèo, cận nghèo | | |
| (1) | (2)=(3)+(4)+(5)+(6) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| TRƯỜNG MẦM NON - LỚP MẪU GIÁO | | | | | |
| Công lập | | | | | |
| Ngoài công lập | | | | | |
| Lớp MG độc lập tư thục | | | | | |
| TỔNG CỘNG MN (1) | | | | | |
| TIỂU HỌC, CHUYÊN BIỆT | | | | | |
| Công lập | | | | | |
| Ngoài công lập | | | | | |
| Chuyên biệt | | | | | |
| TỔNG CỘNG TH (2) | | | | | |
| TỔNG CỘNG (1+2) | | | | | |

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬA HỌC ĐƯỜNG HK1 NĂM HỌC 2020-2021

| STT | Tên đơn vị | Số học sinh đăng ký tham gia uống sữa | Học kỳ I năm 2020-2021 | | Tổng số lượng sữa | Chia ra | | Tổng kinh phí (đồng) | Chia ra | | |
|----------|-----------------------------------|---------------------------------------|------------------------|---------|-------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | Số học sinh uống sữa | | | Diện ngân sách hộ trợ 30% | Diện ngân sách hộ trợ 50% | | Diện ngân sách hộ trợ 30% | Diện ngân sách hộ trợ 50% | |
| | | | Tổng số | Chia ra | | | | | | | Diện ngân sách hộ trợ 30% |
| | | | 1=2+3 | 2 | 3 | 4=5+6 | 5 | 6 | 7=8+9 | 8 = 5*1.815 | 9 = 6*3.025 |
| A | Khối giáo dục Mầm non | | | | | | | | | | |
| I | Các cơ sở giáo dục công lập | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| II | Các cơ sở giáo dục ngoài công lập | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| B | Khối giáo dục Tiểu học | | | | | | | | | | |
| I | Cơ sở giáo dục công lập | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| II | Các cơ sở giáo dục ngoài công lập | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | |

Người lập bảng: Số điện thoại:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND QUẬN, HUYỆN

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬA HỌC ĐƯỜNG HKI NĂM HỌC 2020-2021
 (Dành cho khối Mầm non và Tiểu học công lập)

| STT | Tên đơn vị | Số học sinh đăng ký tham gia uống sữa | Học kỳ 1 năm 2020-2021 | | Tổng số lượng sữa | Chia ra | | Tổng kinh phí (đồng) | Chia ra | | Chia ra | |
|-----|------------------------|---------------------------------------|------------------------|---------|-------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | | Số học sinh uống sữa | | | Diện tích sân chơi | Diện tích sân chơi | | Diện tích sân chơi | Diện tích sân chơi | Diện tích sân chơi | Diện tích sân chơi |
| | | | Tổng số | Chia ra | | | | | | | | |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 = 2*5*1.815 | 9 = 3*6*3.025 | |
| I | Khối giáo dục Mầm non | | | | | | | | | | | |
| 1 | Quận ... | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| II | Khối giáo dục Tiểu học | | | | | | | | | | | |
| 1 | Quận ... | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên và đóng dấu)

Người lập bảng: Số điện thoại:

UBND QUẬN, HUYỆN

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬA HỌC ĐƯỜNG HKI NĂM HỌC 2020-2021

(Dành cho khối Mầm non và Tiểu học ngoài công lập)

| STT | Tên đơn vị | Số học sinh đăng ký tham gia uống sữa | Học kỳ 1 năm 2020-2021 | | | Chia ra | | Tổng kinh phí (đồng) | Chia ra | | Chia ra | |
|-----|------------------------|---------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|----------------------|-------------------|-------------------|-------------------|--|
| | | | Số học sinh uống sữa | | Chia ra | | Diện tích sân 30% | | Diện tích sân 50% | Diện tích sân 30% | Diện tích sân 50% | |
| | | | Tổng số | Diện tích sân 30% | Diện tích sân 50% | Tổng số lượng sữa | | | | | | |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 = 2*5*1.815 | 9 = 3*6*3.025 | |
| I | Khối giáo dục Mầm non | | | | | | | | | | | |
| 1 | Quận ... | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| II | Khối giáo dục Tiểu học | | | | | | | | | | | |
| 1 | Quận ... | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | |

Người lập bảng: Số điện thoại:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)